

Thực trạng hoạt động kiểm tra, đánh giá kết quả học tập các học phần của sinh viên hệ chính quy bậc đại học tại Trường Đại học Xây dựng

Nguyễn Trung Thành

Trường Đại học Xây dựng
55 Giải Phóng, Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam
Email: papintt@gmail.com

TÓM TẮT: Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của sinh viên là một khâu quan trọng trong hoạt động đào tạo. Đánh giá đúng, khách quan kết quả học tập của sinh viên sẽ góp phần nâng cao chất lượng đào tạo. Đánh giá thực trạng hoạt động kiểm tra đánh giá kết quả học tập các học phần của sinh viên hệ chính quy bậc Đại học nhằm chỉ ra các thế mạnh đã đạt được để tiếp tục phát huy, chỉ ra các hạn chế để từ đó đề xuất các giải pháp cải tiến công tác này tại Trường Đại học Xây dựng. Việc nghiên cứu thực trạng hoạt động kiểm tra, đánh giá kết quả học tập các học phần của sinh viên hệ chính quy bậc Đại học được thực hiện thông qua việc phát phiếu hỏi tới 279 đối tượng là giáo viên, sinh viên và phỏng vấn sâu đối với các cán bộ quản lý trong Trường Đại học Xây dựng với các nội dung liên quan đến việc thực hiện công tác kiểm tra, đánh giá kết quả học tập các học phần theo các quy định được Bộ Giáo dục và Đào tạo cũng như Trường Đại học Xây dựng đã ban hành.

TỪ KHÓA: Kiểm tra, đánh giá, kết quả học tập, sinh viên hệ chính quy bậc Đại học, Trường Đại học Xây dựng.

→ Nhận bài 29/7/2021 → Nhận bài đã chỉnh sửa 11/8/2021 → Duyệt đăng 15/12/2021.

1. Đặt vấn đề

Kiểm tra là bộ phận hợp thành của quá trình dạy - học nhằm nắm được thông tin về tình trạng và kết quả học tập của người học về những nguyên nhân cơ bản của thực trạng đó để tìm biện pháp khắc phục những lỗ hổng, đồng thời củng cố và tiếp tục nâng cao hiệu quả của hoạt động dạy - học [1]. Đánh giá kết quả học tập xác định mức độ nắm được kiến thức, kỹ năng, kỹ xảo của người học so với yêu cầu của chương trình đề ra [1]. Kiểm tra, đánh giá (KTĐG) là một quá trình nhằm 2 mục đích: 1/ Xác nhận kết quả học tập của người học; 2/ Giúp cải thiện việc dạy và học [2]. Thông qua KTĐG, nhà trường đánh giá được chất lượng đào tạo (ĐT), chất lượng của việc thực thi chương trình đào tạo. Nâng cao chất lượng hoạt động KTĐG sẽ góp phần cải thiện việc dạy và học, nâng cao chất lượng ĐT. Thực tiễn cho thấy, hoạt động KTĐG trong các trường ĐH ở Việt Nam nói chung, Trường ĐH Xây dựng (ĐHXD) nói riêng chưa được sự quan tâm đúng mức. Những người trực tiếp thực hiện công tác KTĐG còn ít được trang bị kỹ thuật, kiến thức về khoa học KTĐG, các hình thức cũng như các phương pháp KTĐG. Bên cạnh đó, các quy định về KTĐG còn chung chung, công tác tổ chức KTĐG chưa được kiểm soát tốt, hình thức, phương pháp KTĐG còn nhiều bất cập, chưa đánh giá được mục tiêu ĐT toàn diện. Để làm cơ sở cho việc phát huy các thế mạnh, đề xuất các giải pháp phù hợp góp phần nâng cao chất lượng công tác KTĐG kết quả

học tập (KQHT) các học phần của sinh viên (SV) hệ chính quy bậc ĐH (ĐH) tại Trường ĐHXD nhằm cải tiến việc dạy và học, tiến tới nâng cao toàn diện chất lượng đào tạo của Nhà trường thì việc xác định thực trạng là yêu cầu quan trọng.

2. Nội dung nghiên cứu

Công tác KTĐG KQHT các học phần của SV hệ chính quy bậc ĐH tại Trường ĐHXD được thực hiện dựa trên Văn bản hợp nhất 17/VBHN-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc ban hành Quy chế đào tạo ĐH và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ [3]; Quyết định số 33 ngày 07 tháng 01 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường ĐHXD ban hành Quy chế đào tạo ĐH theo hệ thống tín chỉ của Trường [4]; Quy định về đánh giá kết quả học tập của người học do Phòng Đào tạo ban hành ngày 28 tháng 01 năm 2016 [5]; Thông báo về việc chuẩn bị và sao in đề thi, kiểm tra do Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục ban hành ngày 12 tháng 9 năm 2016 [6]. Đánh giá thực trạng việc thực hiện các quy định này tại Trường ĐHXD được thể hiện cụ thể như sau:

2.1. Địa bàn và khách thể khảo sát

Để tìm hiểu thực trạng việc thực hiện công tác KTĐG KQHT các học phần của SV hệ chính quy bậc ĐH tại Trường ĐHXD, tác giả đã sử dụng phương pháp điều tra xã hội học thông qua việc phát phiếu hỏi tới 129

giảng viên (GV), 150 SV (là các sinh viên từ năm 3 đến năm cuối, khoá 63 -61) và phỏng vấn sâu đối với các cán bộ quản lý (CBQL) trong Trường ĐHXD. Thời gian khảo sát: tháng 11 năm 2020.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Tác giả đã sử dụng phương pháp nghiên cứu lí luận: tư duy, lí luận khoa học so sánh, hệ thống hoá... khi nghiên cứu các văn bản pháp quy của Nhà nước, của ngành Giáo dục và các văn bản được Trường ĐHXD ban hành liên quan đến hoạt động KTĐG KQHT của SV.

Nhóm các phương pháp nghiên cứu thực tiễn: Điều tra bằng phiếu hỏi, phỏng vấn, lấy ý kiến các CBQL, GV, SV. Với công cụ khảo sát gồm 02 Phiếu khảo sát thu thập ý kiến dành cho 02 nhóm đối tượng là GV và SV. Có 02 loại câu hỏi được sử dụng trong Phiếu khảo sát, bao gồm: Câu hỏi đánh giá mức độ hài lòng (bao gồm 04 mức độ, trong đó: 1 - Không đồng ý, 2 - Phân vân, 3 - Đồng ý, 4 - Hoàn toàn đồng ý) và Câu hỏi tự trả lời.

Nhóm các phương pháp xử lí số liệu: Xử lí thống kê bằng phần mềm thống kê, phân tích, đánh giá, bình luận, tổng kết. Đối với các câu hỏi đánh giá mức độ hài

lòng các mức thang đo được tính chênh lệch trung bình cộng giữa các mức độ đo, tức là điểm chênh lệch mỗi mức độ là $(4-1)/4=0,75$. Điểm trung bình (ĐTB) tương ứng với các mức độ như sau: 1,0-1,75: không hài lòng/đồng ý; 1,76-2,50: tạm hài lòng/đồng ý; 2,51-3,25: hài lòng/đồng ý; và 3,26-4,0: rất hài lòng/đồng ý.

2.3. Kết quả nghiên cứu

2.3.1. Thực trạng về điểm đánh giá học phần, điểm quá trình, điều kiện dự thi kết thúc học phần

Bảng 1 cho thấy, nội dung điểm đánh giá học phần, điểm quá trình, điều kiện dự thi kết thúc học phần được đánh giá ĐTB ở mức 2,95 - ở mức độ hài lòng, mức độ hài lòng này ở chấp nhận được, không có sự chênh lệch giữa kết quả đánh giá của GV và SV tương ứng với ĐTB là 3,00 và 2,92. Cụ thể đi vào các nội dung chi tiết, đối với việc đánh giá sự phù hợp của tỉ trọng giữa điểm quá trình và điểm thi kết thúc trong điểm đánh giá học phần. ĐTB của nội dung này nhận được đánh giá ở mức hài lòng nhưng có sự chênh lệch ĐTB giữa SV và GV. Nếu như SV đánh giá hài lòng ở mức cao với ĐTB là 3,12 thì bên phía GV chỉ đánh giá ở mức tạm hài lòng (2,39), Qua những ý kiến của các GV tham gia khảo sát,

Bảng 1: Thực trạng về điểm đánh giá học phần, điểm quá trình, điều kiện dự thi kết thúc học phần

STT	Nội dung	Mức độ (%)				ĐTB GV	ĐTB SV	ĐTB
		1	2	3	4			
1	Tỉ trọng giữa điểm quá trình và điểm kết thúc đang áp dụng (tùy theo từng loại học phần) phù hợp.	14,0	19,4	41,2	25,4	2,39	3,12	2,78
2	Các học phần chỉ có lí thuyết hoặc có cả lí thuyết và thực hành/thí nghiệm có bài kiểm tra giữa kì.	9,7	14,3	48,0	28,0	2,98	2,91	2,94
3	Cách tính điểm của các học phần thực hành/thí nghiệm thống nhất trong toàn trường.	8,2	8,2	54,5	29,0	3,02	3,07	3,04
4	Các học phần đồ án môn học, điểm thi kết thúc học phần là bắt buộc, sinh viên vắng mặt không có lí do chính đáng sẽ không được công nhận điểm quá trình.	3,2	9,0	46,6	41,2	3,33	3,20	3,26
5	SV bỏ học học phần không có lí do chính đáng (vắng mặt tất cả các lần điểm danh, không thực hiện bất cứ nhiệm vụ nào theo yêu cầu của học phần) hoặc nhận điểm quá trình là "0" thì không được dự thi kết thúc học phần.	10,8	22,9	44,1	22,2	2,75	2,80	2,78
6	Các học phần chỉ có lí thuyết hoặc gồm có lí thuyết và thực hành/thí nghiệm: SV không thực hiện bài kiểm tra giữa kì hoặc không thực hiện đầy đủ các buổi thực hành/thí nghiệm, báo cáo thực hành/thí nghiệm theo yêu cầu của học phần thì không được dự thi kết thúc học phần.	16,1	17,6	28,0	38,4	3,12	2,68	2,89
7	Điều kiện dự thi, hình thức, cấu trúc đề thi kết thúc học phần được công khai và minh bạch.	4,3	6,8	47,3	41,6	3,40	3,14	3,26
8	Tỉ trọng giữa điểm các thành phần của điểm quá trình đối với mỗi học phần phù hợp (**).	3,3	9,3	50,0	37,3		3,21	3,21
9	Kết quả điểm quá trình đảm bảo chính xác, khách quan và công bằng (**).	12,7	28,0	39,3	20,0		2,67	2,67
10	Điểm quá trình được công bố trước khi thi kết thúc học phần (**).	23,3	30,0	26,7	20,0		2,43	2,43
Trung bình						3,00	2,92	2,95

(Ghi chú: (*) câu hỏi chỉ dành cho GV; (**) câu hỏi chỉ dành cho SV)

sở dĩ có sự chênh lệch này là do đa phần GV cho rằng, tỉ lệ điểm quá trình, điểm thi kết thúc cần được xác định linh hoạt thay vì quy định cố định như hiện tại. Ngoài việc đề xuất để linh hoạt tỉ trọng giữa điểm quá trình và điểm thi kết thúc, có đến 67% GV được hỏi cho rằng, nên để tỉ trọng của điểm thi kết thúc khoảng 50% của điểm đánh giá học phần.

Các học phần chỉ có lí thuyết hoặc có cả lí thuyết và thực hành/thí nghiệm có bài kiểm tra giữa kì được đánh giá ở mức hài lòng và chấp nhận được (ĐTB: 2,94). Có 82,2% GV được hỏi đồng ý và rất đồng ý cần có bài kiểm tra giữa kì, số còn lại cho rằng, bài kiểm tra giữa kì là một thành phần trong điểm quá trình song không có quy định bắt buộc phải có thành phần này.

Có đến 83,5% GV và SV đồng ý và rất đồng ý đối với việc quy định SV phải tham gia đầy đủ các bài thực hành của các học phần thực hành/thí nghiệm. Nhà trường đã đưa ra quy định: “Điểm trung bình (ĐTB) cộng của điểm các bài thực hành trong học kì là điểm đánh giá của học phần thực hành/thí nghiệm”, song một số ý kiến của GV cho rằng, đối với các học phần thực hành/thí nghiệm, việc chấm điểm từng bài thực hành là rất vất vả cho lớp đông (đặc biệt là thi vấn đáp). Mỗi bài thực hành/thí nghiệm có ý nghĩa riêng vì thế cần có trọng số cho từng bài, không nên tính trung bình; học phần thực hành thí nghiệm bắt buộc mỗi bài phải đạt từ 5 điểm trở lên nếu không sẽ không đảm bảo nội dung. Đây là những ý kiến đáng lưu ý để xem xét và bổ sung vào quy định.

Các điều kiện dự thi kết thúc học phần: Các học phần đồ án môn học, điểm thi kết thúc học phần là bắt buộc, sinh viên vắng mặt không có lí do chính đáng sẽ không được công nhận điểm quá trình được đánh giá mức 3,26

(rất hài lòng). Đây là tiêu chí đã được quy định nên GV và SV hài lòng và thực hiện tốt; Các học phần lí thuyết hoặc gồm có lí thuyết và thực hành/thí nghiệm được đánh giá ở mức hài lòng với ĐTB từ 2,78-2,89, ở mức có thể chấp nhận.

SV đánh giá hài lòng cao về tỉ trọng các thành phần điểm quá trình. Kết quả điểm quá trình được đánh giá hài lòng ở mức chưa cao (2,67), có thể SV kì vọng sẽ nhận được điểm cao hơn. Nhà trường có quy định GV phải công bố điểm quá trình trước khi SV thi kết thúc, song do nhiều lí do mà GV vẫn chưa công bố kịp thời nên tiêu chí này chưa được SV đánh giá cao, chỉ ở mức độ tạm chấp nhận (ĐTB 2,43). Đây là vấn đề cần khắc phục, cần có chế tài giám sát và xử lí để tăng cường hiệu quả của công tác này.

2.3.2. Thực trạng về hình thức thi, đề thi kết thúc học phần

Bảng 2 hiển thị kết quả đánh giá của GV và SV về thực trạng hình thức thi, đề thi kết thúc học phần, ở nội dung này ĐTB chung ở mức hài lòng nhưng không cao, có sự chênh lệch giữa phần đánh giá của GV và SV với ĐTB lần lượt là 2,98 và 2,69. Ở nội dung này, sở dĩ ĐTB không cao vì có tiêu chí đánh giá về các hình thức thi trắc nghiệm đang được sử dụng đều nhận được đánh giá từ phía GV và SV ở mức tạm hài lòng với ĐTB lần lượt là 2,15 và 2,13. Các tiêu chí khác đều ở mức hài lòng, trong đó có 2 tiêu chí hài lòng ở mức độ thấp; có duy nhất 1 tiêu chí về Nội dung đề thi đảm bảo bao phủ nội dung học phần, phù hợp mục tiêu, chuẩn đầu ra học phần nhận được đánh giá rất hài lòng với ĐTB 3,51, đây là tiêu chí cần được duy trì và phát huy.

Với các tiêu chí liên quan đến hình thức thi, các tiêu chí này nhận được đánh giá là hài lòng nhưng ở mức

Bảng 2: Thực trạng về hình thức thi, đề thi kết thúc học phần

STT	Nội dung	Mức độ (%)				ĐTB GV	ĐTB SV	ĐTB
		1	2	3	4			
1	Hình thức thi đa dạng, phù hợp với chuẩn đầu ra, nội dung học phần.	16,1	31,5	32,3	20,1	2,70	2,45	2,56
2	Hình thức thi trắc nghiệm (trên giấy hoặc trên máy tính) được sử dụng nhiều cho thi kết thúc học phần.	29,7	39,8	17,6	12,9	2,15	2,13	2,14
3	Các học phần có đề cương ôn tập, cung cấp cho SV trước khi thi kết thúc học phần.	20,1	22,9	35,8	21,1	2,62	2,55	2,58
4	Nội dung đề thi đảm bảo bao phủ nội dung học phần, phù hợp mục tiêu, chuẩn đầu ra học phần.	0,4	2,5	43,4	53,8	3,55	3,47	3,51
5	Nội dung đề thi phù hợp với thời gian làm bài thi.	5,4	10,8	47,3	36,6	3,46	2,89	3,15
6	Tất cả các học phần đã có ngân hàng câu hỏi/đề thi, đáp án (*).	3,9	11,6	61,2	23,3	3,04		3,04
7	Câu hỏi/đề thi được định kì rà soát, cập nhật hàng kì/năm (*).	2,3	3,9	45,7	48,1	3,40		3,40
8	Bộ môn có quy trình cụ thể trong công tác ra đề, thẩm định và phê duyệt câu hỏi thi/đề thi kết thúc học phần (*).	17,1	7,8	40,3	34,9	2,93		2,93
Trung bình						2,98	2,69	2,87

(Ghi chú: (*) Câu hỏi chỉ dành cho GV; (**) Câu hỏi chỉ dành cho SV)

thấp. Hiện tại, các bộ môn đang sử dụng các hình thức: thi tự luận, vấn đáp, trắc nghiệm, làm tiểu luận... để thi kết thúc học phần, song GV và SV đều cho rằng, các hình thức thi còn chưa đa dạng, phong phú. 52% các học phần vẫn sử dụng hình thức thi tự luận, 17% thi vấn đáp (chủ yếu dành cho các học phần đồ án), 17% thi trắc nghiệm, còn lại là các hình thức thi khác. Với tỉ lệ chưa đến 20% các học phần sử dụng thi trắc nghiệm và chủ yếu là thi trắc nghiệm trên giấy trong khi đa phần GV và SV đều mong muốn tăng cường thi trắc nghiệm và đặc biệt là thi trắc nghiệm trên máy tính nên tiêu chí này chỉ nhận được mức độ đánh giá ở mức tạm hài lòng (ĐTB 2,14).

Với nhóm tiêu chí liên quan đến nội dung đề thi đều được GV và SV đánh giá hài lòng ở mức cao và rất hài lòng với ĐTB là 3,15 và 3,51, nhóm tiêu chí này nên được phát huy hơn nữa. Vấn đề cần lưu ý trong nhóm tiêu chí này là các bộ môn cần đồng loạt xây dựng đề cương ôn tập, cung cấp cho sinh viên trước khi thi kết thúc học phần vì tiêu chí này chỉ nhận mức độ đánh giá hài lòng ở mức thấp với ĐTB 2,58.

Có 84,5% GV đồng ý là các học phần giảng dạy đã có ngân hàng câu hỏi/đề thi, đáp án; 93% GV cho rằng, với các học phần có ngân hàng câu hỏi/đề thi được định kì cập nhật; và 75,2% GV xác nhận bộ môn có quy trình cụ thể trong công tác ra đề, thẩm định và phê duyệt câu hỏi thi/đề thi kết thúc học phần. Đây là nhóm tiêu chí mà các bộ môn đã làm tốt và nhận được ĐTB từ 2,93-3,40, nhóm tiêu chí này cần được phát huy và tiến tới đạt được ĐTB tối đa. Khi được khảo sát về việc ngân hàng đề thi/câu hỏi thi của các học phần nên được chuyển tới Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục quản lý và lựa chọn ngẫu nhiên để tổ chức thi thì có đến 43% GV đồng ý và rất đồng ý với phương án này, số còn lại còn phân vân và chưa đồng ý vì một vài lí do như nhân lực của Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục, bảo mật...

2.3.3. Thực trạng về tổ chức thi kết thúc học phần

Bảng 3 đánh giá thực trạng về công tác tổ chức thi kết thúc học phần, đây là nội dung mà các tiêu chí bên trong nhận được ĐTB cao nhất cũng như thấp nhất trong các tiêu chí đánh giá thực trạng, với ĐTB 1,31 (không hài lòng) cho công tác sử dụng công nghệ thông tin trong đề phòng, chống gian lận thi cử và cao nhất là 3,59 (rất hài lòng) đối với tiêu chí Cán bộ coi thi có thái độ đúng mực, tôn trọng SV, hướng dẫn đầy đủ, rõ ràng quy định thi.

Công tác coi thi tại Trường ĐHXD luôn thực hiện nghiêm túc và đúng quy định của Nhà trường. Chính vì vậy, nhóm công tác coi thi đều được GV và SV đánh giá ở mức rất hài lòng với ĐTB lần lượt là 3,44 và 3,59. Tiếp theo là nhóm công tác kế hoạch thi kết thúc học phần, mặc dù có sự chênh lệch giữa ĐTB của GV và SV nhưng đây cũng là nhóm được cả 2 nhóm đối tượng tham gia khảo sát đánh giá hài lòng ở mức cao lần lượt là 3,11 và 3,20. Đây là những tiêu chí cần phát huy.

ĐTB 2,36 (tạm hài lòng) là tiêu chí các GV đánh giá về các học phần có số lượng SV thi kết thúc đồng, đây là kết quả chưa tốt cần phải cải tiến. Qua trao đổi chuyên sâu, các GV được hỏi cho rằng, đối với các học phần này, nhà trường cần tổ chức thi chung, không nên thi theo lớp (sẽ có lớp đông, lớp ít) và chia nhiều ca. Thi chung toàn trường sẽ hạn chế phải sử dụng quá nhiều câu hỏi thi/đề thi mỗi kì thi kết thúc, việc sử dụng chung đề sẽ dễ dàng đánh giá được chất lượng của SV; việc bố trí lịch thi, chấm thi sẽ nhanh gọn...

2.3.4. Thực trạng về chấm thi, thông báo và phúc tra kết quả thi

Bảng 4 thể hiện đánh giá chung về nhóm nội dung chấm thi, thông báo và phúc tra kết quả thi. Đây là nhóm tiêu chí đạt ĐTB lớn nhất 3,14. Có sự chênh lệch giữa ĐTB của GV và SV, nếu như ĐTB của GV là 2,76 hài lòng ở mức thấp thì ĐTB của SV đánh giá là 3,39 rất hài lòng. Cụ thể, đối với công tác chấm thi kết thúc học phần, Nhà trường giao nhiệm vụ cho các trường Bộ

Bảng 3: Thực trạng về tổ chức thi kết thúc học phần

STT	Nội dung	Mức độ (%)				ĐTB GV	ĐTB SV	ĐTB
		1	2	3	4			
1	Kế hoạch thi kết thúc học phần đảm bảo thời gian ôn thi phù hợp cho SV.	6,1	10,8	49,5	33,7	3,33	2,91	3,11
2	Lịch thi được công bố và dễ dàng tiếp cận cho các bên liên quan (GV, SV).	3,9	8,2	52,0	35,8	3,39	3,03	3,20
3	Công tác coi thi được thực hiện nghiêm túc, đảm bảo tránh hiện tượng gian lận.	0,0	2,5	50,9	46,6	3,43	3,45	3,44
4	Sử dụng công nghệ thông tin trong đề phòng, chống gian lận thi cử.	78,9	11,5	9,7	0,0	1,33	1,29	1,31
5	Cán bộ coi thi có thái độ đúng mực, tôn trọng sinh viên, hướng dẫn đầy đủ, rõ ràng quy định thi.	0,4	0,4	39,1	60,2	3,74	3,47	3,59
6	Việc tổ chức, bố trí lịch thi đối với các học phần đại cương, cơ sở ngành có số lượng sinh viên thi kết thúc lớn phù hợp(*).	16,3	48,8	17,8	17,1	2,36		2,36
Trung bình						2,93	2,83	2,88

(Ghi chú: (*) Câu hỏi chỉ dành cho GV; (**) Câu hỏi chỉ dành cho SV)

Bảng 4: Thực trạng về chấm thi, thông báo và phúc tra kết quả thi

STT	Nội dung	Mức độ (%)				ĐTB GV	ĐTB SV	ĐTB Chung
		1	2	3	4			
1	Bộ môn đảm bảo việc chấm các bài thi tự luận do 02 giảng viên thực hiện/chấm chéo (*).	11,6	11,6	55,8	20,9	2,86		2,86
2	Bộ môn tổ chức chấm thi tập trung đối với các học phần thi theo hình thức tự luận (*).	41,9	0,0	34,1	24	2,40		2,40
3	Bộ môn đảm bảo việc chấm các bài thi vấn đáp (bao gồm cả chấm đồ án môn học) do 02 giảng viên thực hiện (*).	23,3	14,7	38,8	23,3	2,62		2,62
4	Các biện pháp đảm bảo việc chấm thi chính xác, khách quan đang áp dụng đem lại hiệu quả (*).	0,0	24,8	34,9	40,3	3,16		3,16
5	Kết quả thi tự luận, trắc nghiệm trên giấy được công bố trong vòng 2 tuần tính từ ngày thi (**).	3,3	8,0	46,7	42,0		3,27	3,27
6	Kết quả bài thi bao gồm cả bảo vệ đồ án môn học/vấn đáp được công bố công khai ngay sau khi kết thúc bài thi/ngày thi (**).	3,3	4,7	48,0	44,0		3,33	3,33
7	Kết quả thi chính xác, khách quan và công bằng (**).	1,3	2,7	50,0	46,0		3,41	3,41
8	Cán bộ, GV của Khoa, Bộ môn, Phòng Đào tạo hỗ trợ, giải quyết kịp thời thắc mắc về kết quả thi (**).	0,0	2,7	47,3	50,0		3,47	3,47
9	Thủ tục phúc tra kết quả thi kết thúc đơn giản, dễ tiếp cận (**).	0,7	1,3	54,0	44,0		3,41	3,41
10	Kết quả phúc tra chính xác, khách quan, công bằng (**).	0,7	0,7	53,3	45,3		3,43	3,43
Trung bình						2,76	3,39	3,14

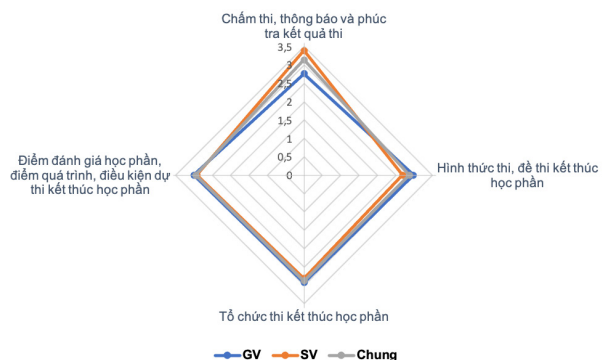
Ghi chú: (*) Câu hỏi chỉ dành cho GV; (**) Câu hỏi chỉ dành cho SV

môn chịu trách nhiệm triển khai thực hiện, không có quy định chi tiết nên việc bộ môn phân công 02 giảng viên chấm/chấm chéo được thực hiện ở 76,7% các học phần dùng hình thức thi tự luận và 62,1% ở các học phần thi vấn đáp. Chỉ có 49,1% các bộ môn tổ chức chấm tập trung, đây là lí do dẫn đến việc còn một số GV nộp điểm muộn. Sở dĩ nhóm các tiêu chí này không nhận được ĐTB cao, chỉ ở mức chưa hài lòng và hài lòng không cao vì không có các quy định chi tiết dẫn đến việc thực hiện chưa đồng bộ. Các GV có ý kiến nên có quy định chi tiết công tác này thống nhất trong toàn trường. Một bộ phận GV cho rằng, để nâng cao tính chính xác, khách quan của kết quả thi cũng như khắc phục tình trạng nộp điểm muộn thì ngoài việc tổ chức thi, việc tổ chức chấm thi tập trung nên để Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục thực hiện, khi đó các bộ môn bố trí cán bộ chấm thi theo lịch đề ra.

Kết quả thi, thời gian công bố điểm thi, việc giải quyết thắc mắc về điểm thi, hỗ trợ thủ tục phúc tra điểm, điểm phúc tra là nhóm tiêu chí nhận được SV đánh giá rất hài lòng với ĐTB từ 3,27 đến 3,47. Đây là các tiêu chí cần được tiếp tục phát huy và nâng cao hơn nữa.

2.3.5. Đánh giá chung về thực trạng hoạt động kiểm tra đánh giá kết quả học tập hệ chính quy bậc Đại học tại Trường Đại học Xây dựng

Hình 1 thể hiện sự tương quan giữa các vấn đề trong thực trạng hoạt động kiểm tra đánh giá kết quả học tập các học phần của SV hệ chính quy bậc ĐH tại Trường



Hình 1: Đánh giá chung về thực trạng hoạt động kiểm tra đánh giá kết quả học tập hệ chính quy bậc ĐH tại Trường ĐHXD

ĐHXD. Các giá trị ĐTB không có sự chênh lệch giữa các nội dung của từng đối tượng, giữa các đối tượng tham gia khảo sát với ĐTB của SV từ 2,69 đến 3,39. ĐTB của GV từ 2,76 đến 3,00 và ĐTB chung từ 2,87 đến 3,14. Bốn nội dung nghiên cứu đều được đánh giá ở mức hài lòng/chấp nhận. Cụ thể như sau:

Thành công: Đưa ra được các quy định về các thành phần, tỉ trọng các thành phần trong điểm đánh giá học phần cho từng loại học phần đang giảng dạy trong trường. Các bộ môn, GV trong quá trình giảng dạy luôn nghiêm túc thực hiện; Chỉ rõ được các yêu cầu đối với việc đánh giá điểm quá trình, điểm thi kết thúc, hình thức thi, cách thức ra đề thi, kiểm tra; Điều kiện dự thi kết thúc học phần được quy định rõ; Lịch thi, ôn tập

được bố trí hợp lý giúp cho SV chủ động trong công tác thi, kiểm tra; Công tác coi thi nghiêm túc, đảm bảo chất lượng kì thi; Chấm thi mặc dù được thực hiện theo cách thức của từng bộ môn song vẫn đảm bảo tính chính xác, công bằng và khách quan; Thời gian nộp điểm và công bố điểm cơ bản đảm bảo theo yêu cầu chung của nhà trường; Sinh viên được hỗ trợ kịp thời các thắc mắc về điểm thi cũng như phúc tra thi.

Hạn chế: 1/ Điểm đánh giá học phần, điểm quá trình, điều kiện dự thi kết thúc học phần: Yêu cầu về các thành phần của điểm quá trình còn chung chung, chưa có quy định cụ thể dẫn đến việc cùng một loại học phần nhưng các thành phần để tính không giống nhau; Chưa có quy định cụ thể về điều kiện chấm thi đối với SV; 2/ Hình thức thi, đề thi kết thúc học phần: Các hình thức thi kết thúc học phần còn chưa đa dạng; Không có hệ thống phòng ốc, máy tính đảm bảo thi trên máy tính; Các yêu cầu về đề thi/câu hỏi thi, ngân hàng đề thi/câu hỏi thi chưa được quy định chi tiết; Chưa có yêu cầu về công tác cập nhật nội dung đề thi/câu hỏi thi; 3/ Tổ chức thi kết thúc học phần: Việc chia ca thi/buổi thi đối với các học phần đại cương dẫn đến việc các bộ môn phụ trách phải chuẩn bị một khối lượng lớn đề thi/câu hỏi thi; Công tác coi thi chưa được thực hiện thống nhất trong toàn trường; Các biện pháp chống gian lận trong

thi cử chưa cập nhật cũng như chưa đưa các ứng dụng công nghệ hiện đại vào. Hình thức xử lý vi phạm đối với SV trong thi cử còn chung chung; 4/ Chấm thi, thông báo và phúc tra kết quả thi: Công tác chấm thi mặc dù đảm bảo tính khách quan công bằng nhưng vẫn ở mức độ độc lập (theo quy định của từng bộ môn); Một bộ phận nhỏ GV vẫn còn công bố điểm quá trình, nộp điểm đánh giá học phần muộn hơn theo quy định.

3. Kết luận

Thông qua việc nghiên cứu, đánh giá thực trạng hoạt động KTĐG KQHT hệ chính quy bậc ĐH tại Trường ĐHXD, có thể thấy công tác này đã được Trường ĐHXD quan tâm, đã có những quy định dựa trên các văn bản của cơ quan quản lý cấp trên được ban hành, khi thực hiện theo các quy định này đã thu được những kết quả khả quan trong công tác KTĐG KQHT của SV. Đứng trước những yêu cầu đổi mới giáo dục, tiến trình tiến tới tự chủ của Trường, các quy định cũng như cách thức thực hiện công tác KTĐG đã bộc lộ những hạn chế và bất cập. Trên cơ sở đó, cần đề xuất một số giải pháp để tăng cường hiệu quả hoạt động KTĐG KQHT, giúp Trường ĐHXD đánh giá được chất lượng ĐT qua đó nâng cao chất lượng ĐT.

Tài liệu tham khảo

- [1] Bùi Hiền - Nguyễn Văn Giao - Nguyễn Hữu Quỳnh - Vũ Văn Tào, (2001), *Từ điển Giáo dục học*, NXB Bách khoa, Hà Nội.
- [2] Analytic Quality Glossary, *Assessment of student learning*, <http://www.qualityresearchinternational.com/glossary/assessmentoflearning.html>.
- [3] Bộ Giáo dục và Đào tạo, (5/2014), *Quyết định Ban hành Quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ (QĐ số 17/VBHN-BGDĐT)*, Hà Nội.
- [4] Trường Đại học Xây dựng, (01/2016), *Quyết định ban hành Quy chế đào tạo hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Xây dựng (QĐ 33//ĐHXD)*, Hà Nội.
- [5] Trường Đại học Xây dựng, (01/2016), *Quy định về đánh giá kết quả học tập của người học*, Hà Nội.
- [6] Trường Đại học Xây dựng, (9/2016), *Thông báo về việc chuẩn bị và sao in đề thi, kiểm tra*, Hà Nội.

THE CURRENT STATUS OF TESTING AND EVALUATING THE MODULE LEARNING OUTCOMES OF UNDERGRADUATE STUDENTS AT NATIONAL UNIVERSITY OF CIVIL ENGINEERING

Nguyen Trung Thanh

National University of Civil Engineering
55 Giai Phong, Hai Ba Trung, Hanoi, Vietnam
Email: papintt@gmail.com

ABSTRACT: *Testing and evaluating students' learning outcomes is an important part of training activities, which contributes to improving the quality of training. Assessing the current status of testing and evaluating undergraduate students' learning outcomes of the modules in order to point out the strengths that have been achieved to continue to promote as well as the limitations as the basis for proposing solutions to improve this work at the National University of Civil Engineering (NUCE). The study was carried out by distributing questionnaires to 279 teachers and students, and conducting in-depth interviews with managers in NUCE on contents related to the implementation of the testing and evaluating of the module learning outcomes according to the regulations issued by the Ministry of Education and Training as well as the NUCE.*

KEYWORDS: *Testing and evaluating, module learning outcomes, undergraduate students, National University of Civil Engineering (NUCE).*